

TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 39, 23/09 – 27/09/2024

“Cổ phiếu vua dẫn sóng”

Tiêu điểm:

- Thị trường chứng khoán Mỹ tăng điểm trong phiên giao dịch ngày thứ Ba (24/9), thiết lập thêm những kỷ lục mới.
- Nói lỏng chính sách tiền tệ: PBoC quyết định giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc thêm 0.5%, các ngân hàng tại Trung Quốc dự kiến có thêm khoảng 1,000 tỷ nhân dân tệ (tương đương gần 142 tỷ USD) phục vụ cho các khoản vay mới.
- GDP quý 2 của Mỹ giữ ổn định ở mức tăng trưởng 3%, phù hợp với dự báo.

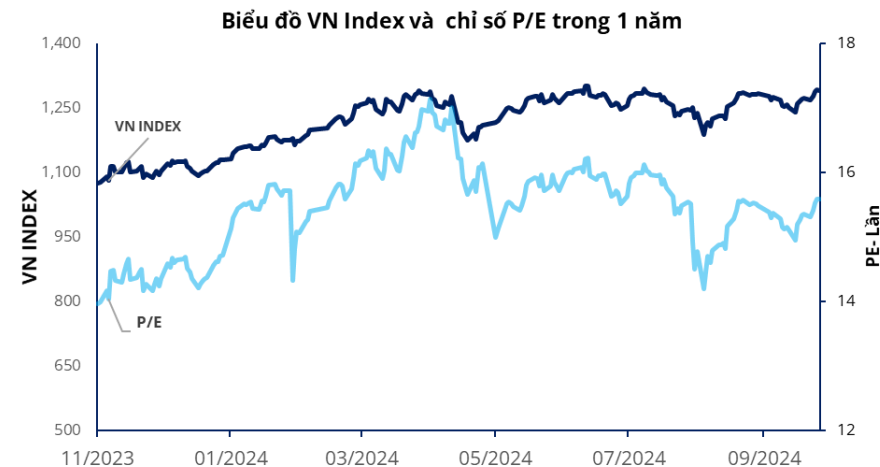
Đánh giá: Thị trường trong nước tiếp tục hứng khởi khi đi theo diễn biến của chứng khoán toàn cầu sau khi FED hạ lãi suất vào tuần trước. Nhóm ngành ngân hàng hiển nhiên trở thành nhóm dẫn dắt chính khi là nơi chú ý bởi dòng tiền lớn. Trong tuần qua, dữ liệu tính toán lại của GDP Mỹ dù không có nhiều bất ngờ nhưng cũng cho tín hiệu chắc chắn hơn về sự tăng trưởng của kinh tế Mỹ và khả năng suy thoái là thấp. Chúng tôi kì vọng xu hướng của thị trường chứng khoán trong và ngoài nước là tích cực trong tuần sau, dù vậy những nhịp điều chỉnh lành mạnh có thể sẽ xuất hiện để đảm bảo cho xu hướng tăng bền vững hơn.

Góc nhìn kĩ thuật: VNINDEX đóng cửa tuần tại 1,290.9 (+18.88 điểm, +1.48%) với thanh khoản cải thiện đáng kể. Như vậy thị trường lại một lần nữa đứng trước cơ hội vượt kháng cự 1,300. Xu hướng chính của thị trường đang là xu hướng tăng trong cả ngắn và trung hạn, tuy nhiên áp lực điều chỉnh là có khi phiên thứ 5 và phiên thứ 6 cho thấy áp lực bán diễn ra vào phiên chiều. Điểm tích cực và khác biệt trong lần tăng này là khối ngoại đã mua ròng rõ rệt trong tuần rồi (nếu loại bỏ giao dịch bán ròng của VIB) và FED đã cắt giảm lãi suất. Chúng tôi kì vọng thị trường sẽ có nhịp điều chỉnh lành mạnh 10 -20 điểm về vùng 1,275 trước khi có thể vượt vùng 1,300 bền vững hơn.

Ý tưởng đầu tư: Nhà đầu tư ưu tiên nắm giữ cổ phiếu dẫn sóng mạnh như nhóm ngành ngân hàng. Với chiến lược giao dịch ngắn, nhà đầu tư có thể bán ra tại vùng kháng cự 1,300 điểm hiện tại. Và chờ đợi những nhịp điều chỉnh về vùng 1,275 và bật tăng để giải ngân mới hoặc mua gia tăng.

Tên chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi				Xu hướng	Định giá		Vốn hóa (Tỷ USD)
		1W	1M	3M	YTD		P/E	P/B	
VN-Index	1,291	1.5	0.8	2.5	14.2		15.6	1.7	216
Upcom Index	94	0.3	-0.3	-5.1	7.9		12.6	1.3	59
HNX Index	236	0.6	-1.3	-1.8	2.0		18.8	1.2	12
VN30 Index	1,353	2.0	2.3	4.9	19.5		12.5	1.7	151
S&P 500 Index	5,745	0.8	2.1	4.8	20.5		26.2	5.1	50,432
STOXX Europe 600 Index	527	2.4	1.5	2.8	10.0		15.8	2.1	15,360
Hang Seng	20,632	13.0	15.4	16.5	21.0		10.7	1.1	2,973
Nikkei 225	39,830	5.6	4.0	1.2	19.0		23.4	2.0	4,879
SHCOMP Index	3,088	12.8	8.4	4.8	3.8		14.5	1.3	6,610
STI Index	3,574	-1.4	5.2	6.9	10.3		13.2	1.3	423
KOSPI Index	2,650	2.2	-1.5	-4.8	-0.2		13.8	0.9	1,607

Nguồn: Bloomberg



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam



WEEKLY SNAPSHOT

Theo vốn hóa và ngành

Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa					% Thay đổi GTGD				% Tỷ trọng GTGD		Định giá		Vốn hóa (Tỷ VND)
	1W	1M	3M	YTD	1W	1M	3M	YTD	Current	Change	P/E	P/B	
▶ Large Cap	1.7	1.1	5.2	17.0	33.6	35.3	25.5	3.0	84.3	0.8	13.8	1.8	4,698,034
Mid Cap	0.1	-0.8	-0.8	17.6	27.2	27.0	-7.8	-29.5	15.0	-0.6	18.3	1.2	538,817
Small Cap	0.3	-2.3	-7.8	-9.6	6.7	2.4	-35.1	-51.1	0.7	-0.2	-245.5	0.7	60,518

Theo ngành

Tên ngành					% Thay đổi GTGD				% Tỷ trọng GTGD		Định giá		Vốn hóa (Tỷ VND)
	1W	1M	3M	YTD	1W	1M	3M	YTD	Current	Change	P/E	P/B	
Tài chính	3.7	2.1	5.6	14.2	7.2	23.2	37.1	-9.9	13.0	-3.0	19.3	1.5	206,943
▶ Ngân hàng	3.3	3.6	10.9	23.2	97.0	111.8	91.9	56.4	33.6	11.0	9.9	1.6	2,118,794
▶ Tài nguyên cơ bản	1.5	0.5	-8.5	1.0	49.8	48.2	23.1	-4.3	7.0	0.8	16.7	1.4	212,432
▶ Hàng cá nhân & Gia dụng	0.9	-2.5	1.1	18.2	33.4	29.8	-5.6	-4.1	1.6	0.0	14.9	1.9	63,051
Hóa chất	0.7	3.2	2.3	43.1	12.1	18.2	-5.6	-12.0	4.9	-0.9	25.4	2.1	252,183
Bảo hiểm	0.6	-5.8	-7.7	8.4	-4.4	-23.2	-52.2	-48.1	0.1	-0.1	13.7	1.4	44,159
Tiện ích	0.5	-6.6	-4.9	3.3	-9.2	-16.1	-43.4	-40.9	1.1	-0.5	21.9	1.8	307,221
Xây dựng và vật liệu	0.5	1.1	-2.7	0.5	22.6	33.4	11.5	-30.6	3.7	-0.3	18.5	1.2	125,496
Bất động sản	0.4	-0.7	3.9	-0.5	15.9	2.5	7.3	-17.4	16.4	-2.3	17.2	1.1	746,325
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	0.3	-1.4	3.9	29.6	32.9	23.4	-30.6	-48.8	3.3	0.0	17.4	1.4	163,764
Truyền thông	0.2	-0.4	-0.6	-22.5	25.1	16.4	-33.9	-40.2	0.0	0.0	21.2	0.9	1,657
Dược và Y tế	0.2	5.1	5.6	14.8	-14.1	-3.6	-15.7	21.8	0.3	-0.2	17.4	2.3	39,536
Thực phẩm và đồ uống	-0.3	-1.2	2.5	5.8	1.2	-2.0	-18.1	-30.5	6.2	-1.9	21.9	2.3	445,475
Ô tô & Phụ tùng	-0.4	-3.6	-11.9	7.8	43.9	22.3	-35.1	-45.3	0.3	0.0	14.4	1.1	15,754
Bán lẻ	-0.7	-2.5	5.4	50.9	3.0	-0.5	-17.7	-21.3	3.7	-1.1	6.9	3.8	140,419
Du lịch và Giải trí	-0.7	1.5	-17.9	19.6	4.7	7.8	-31.0	-26.2	0.8	-0.2	45.0	10.6	115,445
Công nghệ Thông tin	-0.8	1.1	1.5	55.4	-13.7	-13.1	-35.8	-25.6	2.8	-1.5	27.9	4.7	213,261
▶ Dầu khí	-1.7	-6.9	6.3	21.3	34.0	49.7	18.5	2.5	1.3	0.0	19.6	2.5	72,261

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	2,838	-7.3	-61.4	-276.7	-766.4
Nước ngoài	1,905	-5.4	-53.2	-264.2	-496.1
VanEck Vectors Vietnam ETF	506	0.0	-4.4	-11.2	54.3
Fubon FTSE Vietnam ETF	657	-4.0	-35.8	-101.3	-133.8
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	215	-1.4	-11.0	-120.8	-408.8
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	298	0.0	-1.9	-12.4	15.0
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	209	0.0	0.0	-18.5	-16.7
Premia MSCI Vietnam ETF	5	0.0	0.0	0.0	-5.6
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	6	0.0	0.0	0.0	-0.4
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	933	-1.9	-8.2	-12.4	-270.4
DCVFMVN Diamond ETF	573	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	293	-0.5	-7.5	-7.9	-110.5
SSIAM VNFIN LEAD ETF	25	-1.4	-1.0	-4.6	-157.9
MAFN VN30 ETF	25	-0.1	-0.1	-0.3	-2.3
SSIAM VNX50 ETF	5	0.0	0.0	0.0	-2.4
VinaCapital VN100 ETF	4	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	7	0.0	0.3	0.3	2.7

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Chú thích:

WTD: từ đầu tuần

MTD: từ đầu tháng

QTD: từ đầu quý

YTD: từ đầu năm

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	-26,000	-14,623	-17,979
Ấn độ	-7	5,648	10,388	10,737
Indonesia	-190	1,655	3,913	3,486
Nhật Bản*	-13,392	-41,073	-50,367	-11,331
Maylaysia	-103	195	1,064	891
Philippines	187	341	545	17
Hàn Quốc	-672	-5,073	-5,911	11,217
Sri Lanka	-2	-2	10	-19
Đài Loan	2,479	-2,790	-16,871	-12,489
Thái Lan	34	953	736	-2,495
Việt Nam	-34	-82	-537	-2,214

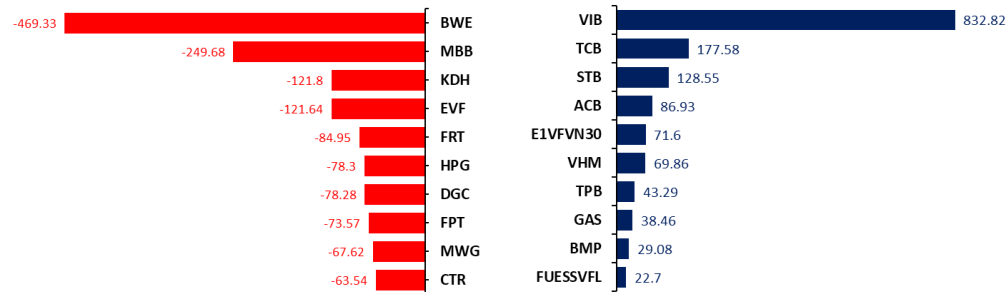
*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

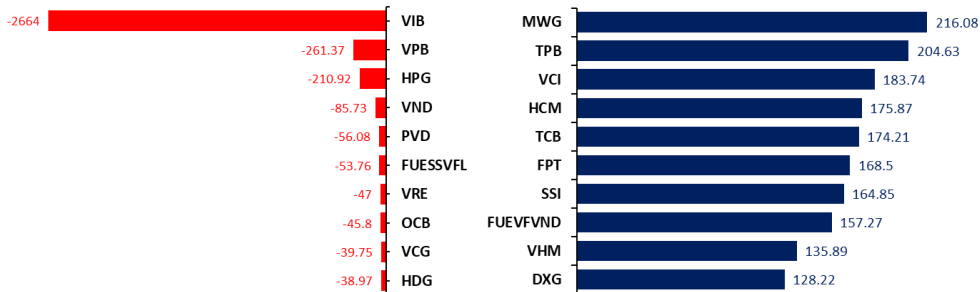
WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	-127	245	-144	-101
Tài nguyên Cơ bản	-179	-149	269	-120
Truyền thông	0	0	1	0
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	24	119	-21	-98
Y tế	0	4	2	-6
Hóa chất	-72	124	-207	83
Dịch vụ tài chính	-126	572	-499	-73
Du lịch và Giải trí	-8	2	13	-15
Ngân hàng	884	-2,173	1,835	338
Xây dựng và Vật liệu	-55	2	127	-128
Thực phẩm và đồ uống	-58	138	-72	-66
Bán lẻ	-152	352	-137	-216
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-444	-5	284	-279
Hàng cá nhân & Gia dụng	-71	40	124	-164
Công nghệ Thông tin	-74	59	-100	41
Ô tô và phụ tùng	-8	-10	34	-24
Bảo hiểm	0	0	-7	7
Dầu khí	-1	-54	45	9
Tổng	-467	-734	1,545	-812

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận

WEEKLY SNAPSHOT

Top cổ phiếu đáng chú ý

HSX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	ITA	Bất động sản	2.24 - 7.50	2.4	-15.2%
2	LM8	Xây dựng và Vật liệu	12.50 - 17.10	14.0	-11.1%
3	FDC	Bất động sản	10.65 - 21.90	12.6	-9.4%
4	AGM	Thực phẩm và đồ uống	2.50 - 8.49	4.2	-7.8%
5	TCD	Xây dựng và Vật liệu	4.85 - 7.91	5.2	-7.2%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
22.6%	20.1	16.40 - 21.80	Xây dựng và Vật liệu	SC5
20.6%	22.6	11.55 - 25.00	Ô tô và phụ tùng	HTL
19.6%	2.1	1.60 - 4.20	Bất động sản	LDG
12.0%	16.9	13.00 - 17.20	Ngân hàng	TPB
12.0%	2.1	8.17 - 21.00	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	TTE

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	GKM	Xây dựng và Vật liệu	14.60 - 42.00	14.6	-40.4%
2	PTD	Xây dựng và Vật liệu	3.33 - 8.58	5.9	-21.3%
3	VE3	Xây dựng và Vật liệu	6.70 - 15.10	7.5	-18.5%
4	DC2	Xây dựng và Vật liệu	4.30 - 10.20	7.2	-15.3%
5	BTW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	27.90 - 58.00	41.6	-14.4%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
42.4%	16.8	11.20 - 20.20	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	VCM
24.6%	8.1	5.90 - 9.73	Hóa chất	PGN
20.5%	38.2	30.10 - 72.60	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	VNT
19.1%	26.8	18.20 - 26.80	Xây dựng và Vật liệu	DNP
18.8%	12.0	8.60 - 12.00	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	TPP

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	SII	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	8.20 - 21.20	11.0	-31.3%
2	SAC	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	7.40 - 32.40	21.3	-29.0%
3	BIO	Y tế	13.80 - 25.00	16.3	-25.2%
4	XMP	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14.40 - 21.00	14.7	-23.4%
5	LUT	Xây dựng và Vật liệu	4.80 - 16.50	7.8	-22.0%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
44.9%	10.0	6.90 - 16.20	Xây dựng và Vật liệu	USC
44.4%	13.0	4.60 - 16.60	Du lịch và Giải trí	SRT
33.1%	17.7	7.70 - 32.40	Truyền thông	SAP
25.0%	8.5	5.20 - 8.80	Xây dựng và Vật liệu	DC1
24.8%	14.1	8.50 - 19.20	Xây dựng và Vật liệu	TEL

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

WEEKLY SNAPSHOT

Top cổ phiếu đáng chú ý

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W	Giá (nghìn VND)	Biến động 52 tuần	%1W
1	ITA	Đầu tư CN Tân Tạo	Bất động sản	11,734.5	310.4	2.4	3.65 - 5.73	7.3
2	DVP	ĐT và PT Cảng Đình Vũ	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	539.1	303.8	74.4	58.20 - 82.60	0.0
3	TRC	Cao su Tây Ninh	Hóa chất	537.0	214.0	39.5	29.50 - 45.65	-1.3
4	VIB	VIBBank	Ngân hàng	222,614.2	203.6	19.4	14.79 - 21.37	4.9
5	NCT	DV Hàng hóa Nội Bài	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	2,303.1	191.4	116.2	82.00 - 122.00	1.0
6	OCB	Ngân hàng Phương Đông	Ngân hàng	26,009.3	177.7	12.1	10.04 - 13.50	3.4
7	EIB	Eximbank	Ngân hàng	124,015.5	159.0	18.6	15.19 - 19.11	7.8
8	AST	Dịch vụ Hàng không Taseco	Bán lẻ	706.4	152.3	57.0	48.00 - 68.00	1.1
9	MSB	MSB Bank	Ngân hàng	150,379.9	126.0	12.6	9.27 - 12.75	9.1
10	BMI	Bảo hiểm Bảo Minh	Bảo hiểm	3,010.7	121.6	22.8	20.05 - 28.10	-0.2

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

WEEKLY SNAPSHOT

Những dữ liệu vĩ mô khác

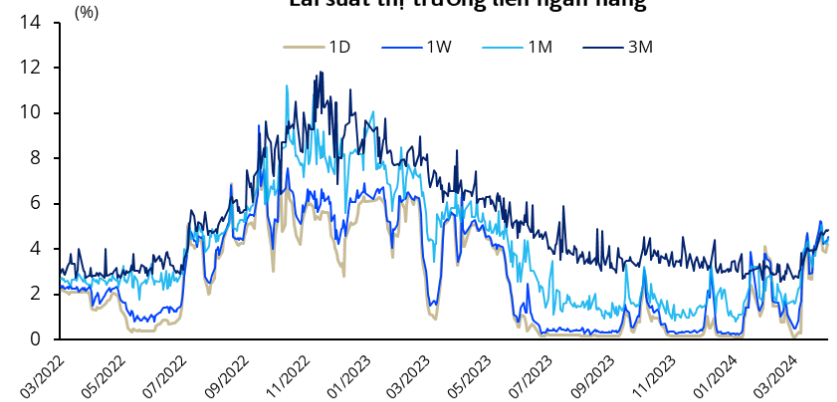
Tỷ giá

	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dollar index	100.65	-0.1	0.1	-5.0	-0.7	
VND/USD	24,609	0.0	-0.9	-3.3	1.4	
KRW/USD	1,313.20	-1.6	-1.4	-5.2	1.9	
JPY/USD	143.21	-0.4	-0.5	-10.9	1.5	
EUR/USD	0.90	0.2	0.4	-3.9	-0.9	
SGD/USD	1.28	-0.6	-1.4	-5.6	-2.8	
CNY/USD	7.01	-0.5	-1.5	-3.5	-1.2	

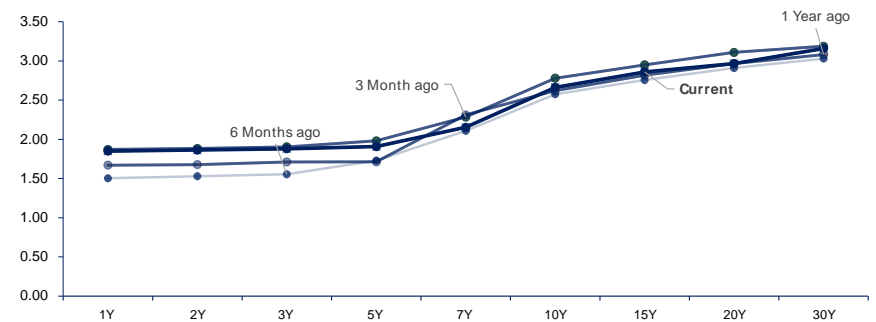
Hàng hóa

	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dầu thô	67.69	-5.9	-10.4	-17.2	-5.5	
Xăng	195.27	-4.1	-13.1	-23.3	-7.1	
Gas	2.75	12.9	44.3	2.3	9.3	
Than	139.60	0.1	-4.2	5.8	-4.6	
Vàng	2,662.49	1.5	5.5	14.4	29.1	
Bạc	31.78	1.9	6.0	9.7	33.6	
Platinum	1,008.68	3.0	4.8	1.8	1.7	
Quặng sắt	92.54	0.6	-5.9	-13.2	-32.1	
Thép cán	3,314.00	4.3	2.6	-10.8	-18.7	
Lúa mì	580.50	2.1	14.2	3.7	-7.6	
Ngô	413.50	2.9	12.6	-0.1	-12.3	

Lãi suất thị trường liên ngân hàng



Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam (%)



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	1.85	1.86	1.88	1.91	2.15	2.66	2.86	2.95	2.76
Thay đổi (WoW)	-0.40	-0.80	-1.30	-4.20	-0.90	-0.20	-0.70	0.00	-1.30

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Mạng lưới Shinhan Investment

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd,
18th Floor. The Mett Tower. 15 Tran Bach Dang. Thu Thiem Ward.
Thu Duc City. Ho Chi Minh City. Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000

Thông báo tuân thủ & Miễn trừ trách nhiệm

Thông báo Tuân thủ

- ♦ Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lý nào từ bên ngoài.
- ♦ Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- ♦ Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- ♦ Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- ♦ Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- ♦ Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- ♦ Bản quyền © 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.